TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 6 - 2026
V/v: tranh chấp " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Lam

2/ Ông Lê Huỳnh Sinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Từ Công Từ Rượu – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51A/2026/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Số 29/7 đường Đồng Dậu, tổ dân phố 11, phường Bảo An, tỉnh K.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 17, phường Bảo An, tỉnh K.

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Văn T chung sống với nhau năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Bảo An, thành phố Phan Rang

- Tháp Chàm, tỉnh N (*Nay phường Bảo An, tỉnh K*). Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 02, quyển 01/2004, ngày 09/6/2004.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường Bảo An, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh N (*Nay phường Bảo An, tỉnh K*). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, xảy ra cãi vã, xích mích nhau. Mặt khác, do ông Hoàng Văn T không quan tâm vợ con; Vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm, trong thời gian không còn sống chung, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không ai đặt vấn đề trở về chung sống đoàn tụ. Bà Nguyễn Thị Thanh T cũng nhiều lần làm đơn ly hôn với ông Hoàng Văn T nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng đời sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc vì tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau. Nay bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn T vì có níu kéo thì cuộc sống chung vợ chồng cũng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Văn T có 01 người con chung tên Hoàng Nguyễn Thanh Thư, sinh ngày 27/7/2005 (*Con chung đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được*) nên bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung* : Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, bị đơn Hoàng Văn T trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống với nhau năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bảo An, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh N (*Nay phường Bảo An, tỉnh K*). Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 02, quyển 01/2004, ngày 09/6/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường Bảo An, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh N (*Nay phường Bảo An, tỉnh K*).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính tình, quan điểm sống vợ chồng không hợp nhau nên có xảy ra cãi vã, xích mích nhau, kinh tế khó khăn nên bản thân ông Hoàng Văn T hay đi uống rượu về có chửi mắng vợ. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2018 đến nay. Trong thời gian này hai vợ chồng không còn quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống, không ai đặt vấn đề trở về chung sống đoàn tụ. Bà Nguyễn Thị Thanh T cũng đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án ly hôn ông Hoàng Văn T. Nay bà Nguyễn Thị Thanh T cương quyết ly hôn thì ông Hoàng Văn T khẳng định chỉ đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T với điều kiện là hai vợ chồng phân

chia xong tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số 29/7 đường Đồng Dậu, tổ dân phố 11, phường Bảo An, tỉnh K.

- *Về con chung*: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 người con chung tên Hoàng Nguyễn Thanh Thư, sinh ngày 27/7/2005 (*Con chung đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được*) nên ông Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Hoàng Văn T muốn được Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tọa lạc tại số 29/7 đường Đồng Dậu, tổ dân phố 11, phường Bảo An, tỉnh K. Tuy nhiên, do ông Hoàng Văn T không có tiền để nộp tạm ứng án phí nên ông Hoàng Văn T không làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung mà chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T treo bảng bán nhà và đất tọa lạc tại số 29/7 đường Đồng Dậu, tổ dân phố 11, phường Bảo An, tỉnh K để vợ chồng tự phân chia.

- *Về nợ chung*: Ông Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Khánh Hòa phát biểu ý kiến*:**

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Hoàng Văn T.

+ Về con chung tên Hoàng Nguyễn Thanh Thư, sinh ngày 27/7/2005 đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "ly hôn" với bị đơn là ông Hoàng Văn T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hoàng Văn T trú tại tổ dân phố 17, phường Bảo an, tỉnh K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

[1.2]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Hoàng Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Văn T kết hôn năm 2004, có đăng ký hết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Bảo An, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh N (*Nay Uỷ ban nhân dân phường Bảo An, tỉnh K*), Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 02, quyển 01/2004, ngày 09/6/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét về tình trạng hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn ông Hoàng Văn T đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm (*Bà Nguyễn Thị Thanh T khai vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay; ông Hoàng Văn T khai vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay*). Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về chung sống đoàn tụ, nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông Hoàng Văn T không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T với lý do vợ chồng chưa chia tài sản chung. Điều này cũng thể hiện rõ bản thân

ông Hoàng Văn T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị Thanh T. Hơn nữa, trong thời gian sống ly thân bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Văn T không ai đặt vấn đề trở về chung sống đoàn tụ. Tại đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thanh T, đã được tổ trưởng, tổ dân phố 11, phường Bảo An, tỉnh K xác nhận: "*Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975, ông Hoàng Văn T sinh năm 1971, hai vợ chồng đã sống ly thân lâu nay là đúng sự thật"*. Điều đó thể hiện rõ việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Văn T là có thật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Văn T đã thật sự gay gắt làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu xin được ly hôn với ông Hoàng Văn T là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng Văn T có 01 (*một*) con chung tên Hoàng Nguyễn Thanh Thư, sinh ngày 22/7/2005; Hiện nay, con chung đã trên 18 tuổi và có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; Bị đơn ông Hoàng Văn T có ý kiến mong muốn được chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của

Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định về áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003960, ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh K. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn ông Hoàng Văn T, quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 -K;
- THADS tỉnh K;
- TAND tỉnh K;
- UBND phường Bảo An, tỉnh K (GCNKH số: 02, quyển 01/2004 Ngày 09/6/2004);
- Lưu hồ sơ + án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng